

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc Ban hành Quy chế quản trị Công ty.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/04/2018 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Tạ Chương Chin

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31.../BB-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2018

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

(Được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Bến bãi Vận tải Thành phố. Số ĐKKD: 4106000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/11/2003).

- Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0301114089, Đăng ký lần đầu ngày 31/5/2006, Đăng ký thay đổi lần IX ngày 26/01/2018.

- Thời gian tổ chức: 08 giờ 30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2018.

- Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty CP BBVT Sài Gòn - 720, Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM.

Kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được tiến hành như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1) Lãnh đạo Tổng Công ty:

Bà Chu Thị Tuyết Hạnh – Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng Công ty

Ông Nguyễn Ngọc Linh – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Ông Phan Nghĩa Bình – Giám đốc Đầu tư Tổng Công ty

2) Hội đồng Quản trị Công ty, Ban điều hành Công ty:

Ông Nguyễn Ngọc Linh

Chủ tịch HĐQT Công ty

Ông Tạ Chương Chín

Thành viên HĐQT, TGD Công ty

Ông Trần Hiếu

Thành viên HĐQT, Phó TGD Cty

Ông Ngô Quang Trung

Thành viên HĐQT

Bà Lê Thúy Hằng

Thành viên HĐQT

Bà Bò Kim Thu Nga

Kế toán trưởng

3) Ban Kiểm soát Công ty:

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Võ Văn Đức

Thành viên BKS

4) Các Cổ đông đại diện cổ đông của Công ty CP BBVT Sài Gòn.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

Đại hội thảo luận thông qua các nội dung sau:

1). Báo cáo số 18/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

2). Báo cáo số 19/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

3). Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 16.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND ngày 11/04/2018.

4). Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

5). Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017.

6). Báo cáo ngày 17/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2017.

7). Tờ trình số 22/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

8). Tờ trình số 23/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phân phối lợi nhuận, tổng quỹ lương và thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Và trình một số vấn đề khác.

9). Tờ trình số 24/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017.

10). Tờ trình số 25/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2018.

11). Tờ trình số 26/TTr-BKS ngày 13/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty về việc miễn nhiệm một thành viên Ban kiểm soát Công ty.

12). Tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty.

13). Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 17/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

14). Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

6). Ông Trần Hiếu – Thông qua các nội dung Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

7). Bà Bò Kim Thu Nga – Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 16.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, tổng quỹ lương và thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018. Và trình một số vấn đề khác. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 và kế hoạch 2018.

8). Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thông qua các nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.

9). Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ – Thông qua các nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2017.

10). Ông Tạ Chương Chín – Thông qua các nội dung Tờ trình về việc miễn nhiệm một thành viên Ban kiểm soát Công ty; Tờ trình về việc bầu bổ sung một thành viên Ban kiểm soát Công ty; Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung một thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty.

11). Đại hội thảo luận:

12). Ông Phạm Đình Đài, Trưởng ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ biểu quyết.

13). Ông Phạm Đình Đài công bố kết quả kiểm phiếu:

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất Thông qua các nội dung Báo cáo số 18/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất Thông qua các nội dung Báo cáo số 19/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung về Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 16.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND ngày 11/04/2018, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo ngày 17/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2017, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 22/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 23/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phân phối lợi nhuận, tổng quỹ lương và thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Và trình một số vấn đề khác, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 24/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 25/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2018, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 26/TTr-BKS ngày 13/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty về việc miễn nhiệm một thành viên Ban kiểm soát Công ty, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty, với tỷ lệ 99,99%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 17/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn, với tỷ lệ 100%

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty, với tỷ lệ 100%

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty vừa mới được bầu bổ sung ra mắt Đại hội đồng cổ đông.

IV. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Thư ký Đại hội: Thông qua dự thảo Biên bản Đại hội và Dự thảo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.



Đại hội nhất trí 100% Biên bản Đại hội và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Tạ Chương Chín, Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Dũng Lâm

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Ngọc Linh

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ Luật số 68/2014/QH13 Luật Doanh Nghiệp có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 18/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

a) Các chỉ tiêu thực hiện năm 2017		
- Doanh thu	:	40.881.828.972 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	:	15.057.990.298 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	:	11.981.957.734 đồng.
- Nợ ngân sách	:	7.774.121.676 đồng.
- Tiền lương bình quân		
+ Người lao động	:	10.481.000 đồng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	33.890.000 đồng.
b) Kế hoạch kinh doanh năm 2018		
- Doanh thu	:	44.152.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	:	16.382.000.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	:	13.035.600.000 đồng.



- Nộp ngân sách	:	5.191.400.000 đồng.
- Tiền lương bình quân		
+ Người lao động	:	10.731.000 đồng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	34.610.000 đồng.
c) Kế hoạch đầu tư năm 2018		34.807.000.000 đồng.
- Kế hoạch đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh	:	3.200.000.000 đồng.
- Chủ trương đầu tư dự án có tổng mức đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp	:	31.607.000.000 đồng.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 19/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung về Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 16.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND ngày 11/04/2018.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo ngày 17/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2017.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 22/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

a) Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017	:	14.753.400.000 đồng.
- Quỹ tiền lương của người lao động	:	13.080.000.000 đồng.
- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	:	1.220.000.000 đồng.

- Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	:	453.400.000 đồng.
b) Quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2017	:	3.799.700.000 đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động	:	3.270.000.000 đồng.
- Quỹ thưởng của người quản lý	:	529.700.000 đồng.
c) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018	:	15.610.900.000 đồng.
- Quỹ tiền lương của người lao động	:	13.650.000.000 đồng.
- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	:	1.524.100.000 đồng.
- Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	:	436.800.000 đồng.
d) Quỹ tiền thưởng kế hoạch năm 2018		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động	:	Trích tối đa 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc vượt kế hoạch.
- Quỹ thưởng của người quản lý Công ty	:	Trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc vượt kế hoạch.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 23/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phân phối lợi nhuận, tổng quỹ lương và thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Và trình một số vấn đề khác

a) Thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018		
- Chủ tịch HĐQT	:	7.000.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên HĐQT	:	5.000.000 đồng/người/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát	:	5.400.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát	:	3.800.000 đồng/người/tháng.
- Tổng thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018	:	436.800.000 đồng.



b) Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

c) Hợp đồng cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH MTV vay 2 tỉ đồng, lãi suất 6,5%/năm (kỳ hạn 12 tháng của năm 2018).

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 24/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017.

1/ Trích lập các quỹ	:	
- Lợi nhuận sau thuế	:	11.981.957.734 đồng.
- Dự kiến phân phối	:	
+ 5% Quỹ đầu tư phát triển	:	599.097.887 đồng.
+ Quỹ khen thưởng – phúc lợi	:	3.270.000.000 đồng.
+ Quỹ thưởng Ban điều hành, HĐQT & Ban KS Công ty	:	529.700.000 đồng.
+ Lợi nhuận còn lại	:	7.583.159.847 đồng
- Lợi nhuận các năm trước còn lại	:	7.207.221.916 đồng
- Tổng lợi nhuận còn lại	:	14.790.381.763 đồng
2/ Chia cổ tức năm 2017	:	
- Tỷ lệ chia cổ tức	:	20% VDL
- Cổ tức/cổ phần	:	2.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị chia cổ tức	:	10.000.000.000 đồng
- Chi trả cổ tức bằng tiền	:	

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 25/TTr- HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2018.

- Tỷ lệ trích lập các quỹ		
+ Quỹ đầu tư phát triển	:	5% Lợi nhuận phân phối
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	Trích tối đa 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
+ Quỹ thưởng của người quản lý Công ty	:	Trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
+ Tỷ lệ chia cổ tức	:	Không thấp hơn 20%

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty.

11.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết làm thành viên Ban kiểm soát Công ty theo tờ trình số 26/TTr-BKS ngày 13/4/2018 của Ban kiểm soát Công ty.

11.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất bổ sung Bà Lê Thị Thanh Thuận làm thành viên Ban kiểm soát Công ty theo tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 17/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

12.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Linh làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 24/4/2018.

12.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất bổ sung Ông Phan Nghĩa Bình làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 24/4/2018.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty.

Điều 15. Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này và báo cáo tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông kỳ tới.

Điều 16. Điều khoản thi hành

16.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 24 tháng 04 năm 2018.

16.2. Giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (www.benbaivantaisaigon.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

16.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn chịu trách nhiệm và thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

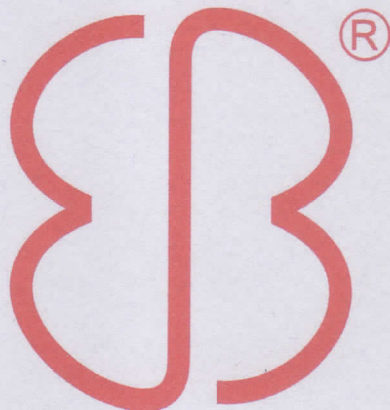
- UBCKNN, SGDCCKHN (để b/c);
- Tổng Công ty Samco (để b/c);
- CBTT trên Website Cty;
- TV.HĐQT, Ban TGD Cty;
- BKS Cty, Cổ đông;
- Đảng ủy, CĐ, ĐTN Cty;
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT(01b).L.17.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Ngọc Linh

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN



ISO 9001:2015

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

**Trụ sở chính: 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B,
Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh**

Tháng 4 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
- Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG-----	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh-----	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt -----	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ	
BẤT THƯỜNG-----	6
Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ	
đồng -----	6
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	
Đại hội đồng cổ đông-----	6
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông-----	8
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	10
Điều 6. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông -----	12
Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội -----	13
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết -----	15
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu bầu cử-----	16
Điều 10. Cách thức kiểm phiếu-----	17
Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	17
Điều 12. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông-----	17
Điều 13. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	18
Điều 14. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông -----	19
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN	
BẢN-----	20
Điều 15. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	20
Điều 16. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản -----	20
Điều 17. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	20
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT-----	24
Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành	
viên HĐQT-----	24

Điều 18. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT -----	24
Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty-----	24
Điều 20. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT -----	25
Điều 21. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	25
Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT-----	26
Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ---	26
Điều 24. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	26
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----	27
Điều 25. Cuộc họp HĐQT -----	27
Điều 26. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----	28
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT-----	33
Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	33
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên -----	33
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	33
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên -----	34
Điều 30. Cách thức bầu Kiểm soát viên-----	34
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	34
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	34
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát -----	35
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát -----	35
Điều 34. Cuộc họp Ban kiểm soát-----	35
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----	36
Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp -----	36
Điều 36. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	37
Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp -----	38
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	38
Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	38

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC -----	39
Điều 40. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	39
Điều 41. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	39
Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	39
Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	39
Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	41
Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	41
Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	41
Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	43
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC -----	47
Điều 48. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	47
Điều 49. Khen thưởng -----	47
Điều 50. Kỷ luật -----	48
CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	49
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	49
CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC -----	49
Điều 52. Ngày hiệu lực -----	49



CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị;
5. Ứng cử: là tự đề cử;
6. BKS: là Ban kiểm soát;
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền);
9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
 - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.
 - ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

 - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
 - Các tài liệu kèm theo như sau:
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.



- Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).
 - Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*);
 - Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*).
 - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
 - Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).
- i. Tài liệu liên quan khác (nếu có).
 - b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
 - c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở



hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời



- họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty;



- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
- b. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);
- d. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- e. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty, phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây
 - Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;



- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;
 - c. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 6. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;



- g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- h. Lựa chọn công ty kiểm toán;
- i. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- j. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- p. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán
- q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại
- r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty và quy định của pháp luật.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. ***Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.***

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;



- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu



quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:



- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 12. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.



3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty
 - f. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng



với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử **hoặc Điều lệ công ty**.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 15. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty)

- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Điều 16. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 20, Điều 21 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết

HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Phương án bầu cử (nếu có);
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:



- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
 - a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
 - ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
 - b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 18. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.
3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty, Khoản 2 Điều 25 TT95/2017/TT-BTC)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng



cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 20. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP,)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 21. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 24. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 25. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

- a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 25 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.



- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - i. Ban kiểm soát;
 - ii. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 26. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):
 - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.



- c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
- d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
- c. Thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

- f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
 3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên;
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên

Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 30. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 34. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
- c. Có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên
- d. Tốt nghiệp khóa đào tạo ngắn hạn về lãnh đạo doanh nghiệp, về chiến lược kinh doanh
- e. Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học trong quản lý, điều hành; ngoại ngữ trình độ B trở lên

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
- c. Có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên
- d. Tốt nghiệp khóa đào tạo ngắn hạn về lãnh đạo doanh nghiệp, về chiến lược kinh doanh
- e. Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học trong quản lý, điều hành; ngoại ngữ trình độ B trở lên
- f. Có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước hoặc đào tạo chuyên ngành về nghiệp vụ quản lý, điều hành (CEO, CFO....)

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

- a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
- b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
- d. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
- e. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.
- f. Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học trong quản lý, điều hành; ngoại ngữ trình độ B trở lên
- g. Có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước hoặc đào tạo chuyên ngành về nghiệp vụ quản lý, điều hành (CEO, CFO...)

Điều 36. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 33 và Khoản 1, 2 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

- a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu

chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

- b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 34 và Điều 38 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 35 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 26 Quy chế này.

Điều 41. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 57 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 34, Khoản 1 Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Điều lệ công ty nhưng người có

hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

+ Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty không được thực thi;

+ Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 44 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 34, Khoản 2 Điều 41, Điều 42 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài

hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;

- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 41, Điều 42 Điều lệ công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;



- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
 - a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS

không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, GD và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 49. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 44 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

- Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

- Quy chế này gồm 09 chương 52 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
- Quy định tại Khoản 3 Điều 18 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
- Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Nghĩa Bình